TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2024
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Nhựt**

2. Ông **Hà Ứng Cương**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Kiều Duyên**– Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Ph,** sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu X,** sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

(Bà Nguyễn Thị Thu X vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-01-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày:*Vào năm 2000 ông và bà Nguyễn Thị Thu X thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh Ph, nhưng thời gian về sau thường xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Từ đó dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung, sống không có hạnh Ph. Vợ chồng ông, bà đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà X không còn, không thể chung sống với nhau với nhau được nữa nên ông Ph quyết định ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu X.

Quá trình chung sống ông Ph và bà X có với nhau 02 con chung 1/Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08-12-2000; 2/ Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 28-4-2010.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ông Nguyễn Văn Ph có yêu cầu*:*

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu X.

- Về con chung: Có 02 con chung 1/Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08-12-2000; 2/ Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 28-4-2010. Con Nguyễn Ngọc T đã trưởng thành không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Ông Ph yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 28-4-2010, ông Ph không yêu cầu bà X việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26-02-2024;Biên bản hòa giải ngày 26-02-2024 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25-3-2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ph về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay ông Nguyễn Văn Ph yêu cầu xin ly hôn thì bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân : Đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph

- Về con chung: Có 02 con chung 1/Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08-12-2000; 2/ Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 28-4-2010. Con Nguyễn Ngọc T đã trưởng thành không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Bà X đồng ý giao con Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 28-4-2010 cho ông Ph chăm sóc, nuôi dưỡng, bà X không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu X vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 31-01-2024 ông Nguyễn Văn Ph có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu X. Đây là vụ án " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung " theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ch, tỉnh K. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X đều xác nhận trong thời gian chung sống ông, bà có 02 con chung 1/Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08-12-2000; 2/ Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 28-4-2010. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ph và bà X xác nhận hiện nay con Nguyễn Ngọc T đã trưởng thành không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết; đồng thời thống nhất thỏa thuận giao con Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 28-4-2010 cho ông Ph chăm sóc, nuôi dưỡng, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của ông Ph và bà X phù hợp

theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của con, nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn Ph là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X.

2.Về con chung: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X xác nhận hiện nay con Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08-12-2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X giao con Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 28-4-2010 cho ông Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyên vọng của cháu Tr), ông Ph không yêu cầu bà X chấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thu X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X xác

nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng ông Ph được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001319, ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; ông Ph không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thu X vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xó Mong Thọ B,H.Chõu Thà nh, KG.
- L- u hồ sơ.

Lê Thị Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng